

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2026
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1035/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T; Sinh năm: 1995

HKTT: Thôn H(thôn 7 cũ), xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi làm việc: Số 8, Terasu Hausu, 872-1, Funaki, Thị trấn S, huyện S, tỉnh Kagoshima, Nhật Bản.

Người được ủy quyền đề nộp đơn khởi kiện và giao nhận văn bản tố tụng:

Bà Nguyễn Thị K; sinh năm: 2001

Nơi công tác: Công ty Luật TNHH T và Cộng sự.

Địa chỉ: Số 54C L, Phường T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th; Sinh năm: 1991

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn H (Thôn 7 cũ), xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Chị T và anh Th vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2026 và bản tự khai, chị Đặng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là xã B), tỉnh Thanh Hóa ngày 26/02/2013. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng

tình cảm vợ chồng vẫn không có tiến triển. Năm 2019 thì chị sang Nhật Bản sinh sống và làm việc theo diện xuất khẩu lao động và vợ chồng cũng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 12/4/2012 và Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 26/7/2016. Ly hôn, chị T yêu cầu được giao 02 con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th mỗi tháng cho mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/6/2026, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận bình thường. Đến năm 2019, chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc nhưng từ năm 2022 thì chị T ít gọi điện về nhà nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, mỗi lần nói chuyện thì vợ chồng thường cãi nhau qua điện thoại. Nay chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Theo anh Th trình bày, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Th; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 12/4/2012 và Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 26/7/2016 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th mỗi tháng cho mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Chị Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với anh Nguyễn Văn Th, anh Th hiện cư trú tại xã B, tỉnh Thanh Hóa nên xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng chị T và anh Th vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt chị T và anh Th và đã thông báo kết quả phiên họp cho chị T và anh Th theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, chị T và anh Th vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh Th.

[6]. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là xã B), tỉnh Thanh Hóa ngày 26/02/2013 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vào năm 2019 chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả chị T và anh Th đều thừa nhận và cũng được các cấp chính quyền xác B xác nhận. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh Th.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Chị T đề nghị được giao cả 02 con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu vẫn ở với anh Th, bản thân cả hai cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị T và anh Th, giao cả hai con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[8]. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh Th không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là để đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên. Việc chị T cấp dưỡng là tự nguyện và mức cấp dưỡng cũng phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, HĐXX chấp nhận đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T.

[9]. Về tài sản: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[10]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5,

điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 12/4/2012 và Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 26/7/2016 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th mỗi tháng cho mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Người đại diện theo ủy quyền của chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số BLTU/26E/0002944 ngày 15/4/2026. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn Th. Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc